TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 11 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thắng

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp N, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khóm X, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp N, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Nguyễn Thúy A trình bày:*

Chị A và anh Trần Thanh S kết hôn vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi. Khi về chung sống, anh S thường đi nhậu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị A nên đã xảy ra mâu thuẫn. Địa phương nhiều lập biên bản và hòa giải hàn gắn, anh S cam kết sửa đổi nhưng không thực hiện nên đã ly thân. Xuất phát từ nguyên nhân trên, chị A yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung gồm: Trần Gia H, sinh ngày 01/5/2008; Trần Quốc H, sinh ngày 01/5/2011 và Trần Thái H, sinh ngày 14/3/2016. Gia H và Quốc H do anh S

nuôi dưỡng, Thái H do chị A nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị A yêu cầu xin nuôi cả ba cháu, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Gia H và cháu Quốc H, mỗi cháu 500.000 đồng/tháng kể từ khi các cháu về chung sống cùng với chị, đối với Thái H không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ người khác: Nợ của bà Nguyễn Thị Nh 01 chỉ vàng 24k; anh S nợ riêng của chị Trần Thị T 20.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k. Do bà Nh, chị T không khởi kiện nên chị A không có ý kiến và sẽ thỏa thuận với anh S về nghĩa vụ trả các khoản nợ này.

** Anh Trần Thanh S trình bày:* Anh thừa nhận về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn như chị A trình bày. Thời gian chung sống, khi đi nhậu về đã đánh chị A ba lần, chứ không phải thường xuyên. Do còn tình cảm với chị A, anh cam kết hạn chế uống rượu, sửa đổi, mong muốn hàn gắn trở lại để lo cho vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung anh thống nhất như chị A trình bày. Trường hợp ly hôn, do các cháu có nguyện vọng sinh sống cùng với chị A nên anh đồng ý giao các cháu cho chị A nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị A.

Về các vấn đề khác thống nhất như chị A trình bày và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh S xác định trong thời gian chung sống, anh S và chị Nguyễn Thúy A có thiếu nợ của bà Nguyễn Thị Nh và chị Trần Thị T. Tuy nhiên, các đương sự này không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ này. Do vậy, Hội đồng xét xử không đưa bà Nh và chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

[2] Chị A và anh S kết hôn vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi. Khi về chung sống, anh S thường đi nhậu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập đối với chị A dẫn đến mâu thuẫn xảy ra; địa phương đã nhiều đến lập biên bản, hòa giải hàn gắn thì anh S cam kết sửa đổi nhưng không thực hiện nên các đương sự đã ly thân với nhau. Do vậy, chị A xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn; anh S cam kết sửa đổi, khắc phục và có nguyện vọng hàn gắn trở lại để lo cho gia đình nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh xảy ra những mâu thuẫn nhưng hành vi của anh S đã nhiều lần đi nhậu về xúc phạm, đánh đập chị A là hành vi bạo lực gia đình; hành vi này đã làm cho tình trạng hôn nhân của anh, chị trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Mặc dù anh S cam kết khắc phục, sửa chữa để hàn gắn trở lại nhưng không đưa ra được giải pháp và chị A thì vẫn cương quyết xin

ly hôn. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn trở lại nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A ly hôn với anh S là phù hợp và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung gồm: Trần Gia H, sinh ngày 01/5/2008; Trần Quốc H, sinh ngày 01/5/2011 và Trần Thái H, sinh ngày 14/3/2016. Gia H và Quốc H do anh S đang nuôi dưỡng; đối với cháu Thái H, theo các đương sự thì cháu bị bệnh não và tim bẩm sinh do chị A đang nuôi dưỡng.

Do Gia H và Quốc H có nguyện vọng sinh sống cùng với chị A khi cha, mẹ ly hôn nên các đương sự thỏa thuận giao cho chị A nuôi dưỡng cả 03 cháu.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của Quốc H và Gia H cũng như phù hợp với điều kiện thực tế cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng Thái H. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị A giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh S đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị A. Đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên được công nhận. Do đó, anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Gia H và cháu Quốc H, mỗi cháu 500.000 đồng/tháng kể từ ngày các cháu về chung sống cùng với chị A cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Đối với các khoản nợ của bà Nguyễn Thị Nh 01 chỉ vàng 24k và chị Trần Thị T số tiền 20.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị A phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và anh S phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy A. Cho chị A được ly hôn với anh Trần Thanh S.

2. Về con chung: Giao Trần Gia H, sinh ngày 01/5/2008, Trần Quốc H, sinh ngày 01/5/2011 và Trần Thái H, sinh ngày 14/3/2016 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S đang nuôi dưỡng Gia H và Quốc H có nghĩa vụ giao lại cho chị A nuôi dưỡng.

Buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Gia H và Quốc H mỗi cháu/tháng với số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày các cháu về chung sống cùng với chị A đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị A cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình: Chị A phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009862 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Càn